

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 01 - 2020.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Quốc Thống;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Vào năm 2015, được sự đồng ý của hai bên cha mẹ làm đám cưới nên anh với Lê Thị Kiều N tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên không thể hạnh phúc. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt vì không thể kéo dài đời sống vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị Kiều N

Về con chung: có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017, hiện vợ đang nuôi con. Sau khi ly hôn anh đồng ý để vợ anh nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và đơn yêu cầu 23/12/2019 và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Kiều N trình bày:

Chị với anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh T yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017 hiện chị đang nuôi. Sau khi ly hôn chị đồng ý nuôi con, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: **Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] Về nội dung: Anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị Kiều N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa anh T và chị N xảy ra mâu thuẫn, anh T yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị N và anh T không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Huỳnh Văn T với chị Lê Thị Kiều N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017 hiện do chị N nuôi dưỡng. Anh T và chị Nương thống nhất giao con cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn, do đó, Hội đồng xét xử giao con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện của anh Huỳnh Văn T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017 cho chị Lê Thị Kiều N mỗi tháng 3.000.000 đồng, cấp

dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thực hiện theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng. Anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng án phí phải nộp là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 5 Điều 27** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị Kiều N là vợ chồng.

- Về con chung: Tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017, giao cho chị Lê Thị Kiều N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 28/5/2017 cho chị Lê Thị Kiều N mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thực hiện theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Huỳnh Văn T phải chịu 600.000 đồng, anh T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004761 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh

Cà Mau được chuyển thu án phí. Anh Huỳnh Văn T phải nộp tiếp án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Anh Huỳnh Văn T, chị Lê Thị Kiều N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Huỳnh Việt Hằng